

Báo cáo chiến lược

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tháng 10.2024

Mở tài khoản



Tải ứng dụng



Trung tâm phân tích <GO>

VNINDEX có khả năng vượt lên 1,300 điểm và bắt đầu xu thế tăng mới

Điểm lại tình hình thị trường tháng 9/2024

- Thanh khoản bình quân theo ngày cải thiện nhưng chỉ số vẫn duy trì sự giằng co
- Dòng tiền có xu hướng chuyển dịch sang các ngành vốn hoá lớn và rút dần khỏi các ngành mang tính đầu cơ
- Khối ngoại đã hạ nhiệt trạng thái bán ròng

Nhận định thị trường tháng 10/2024:

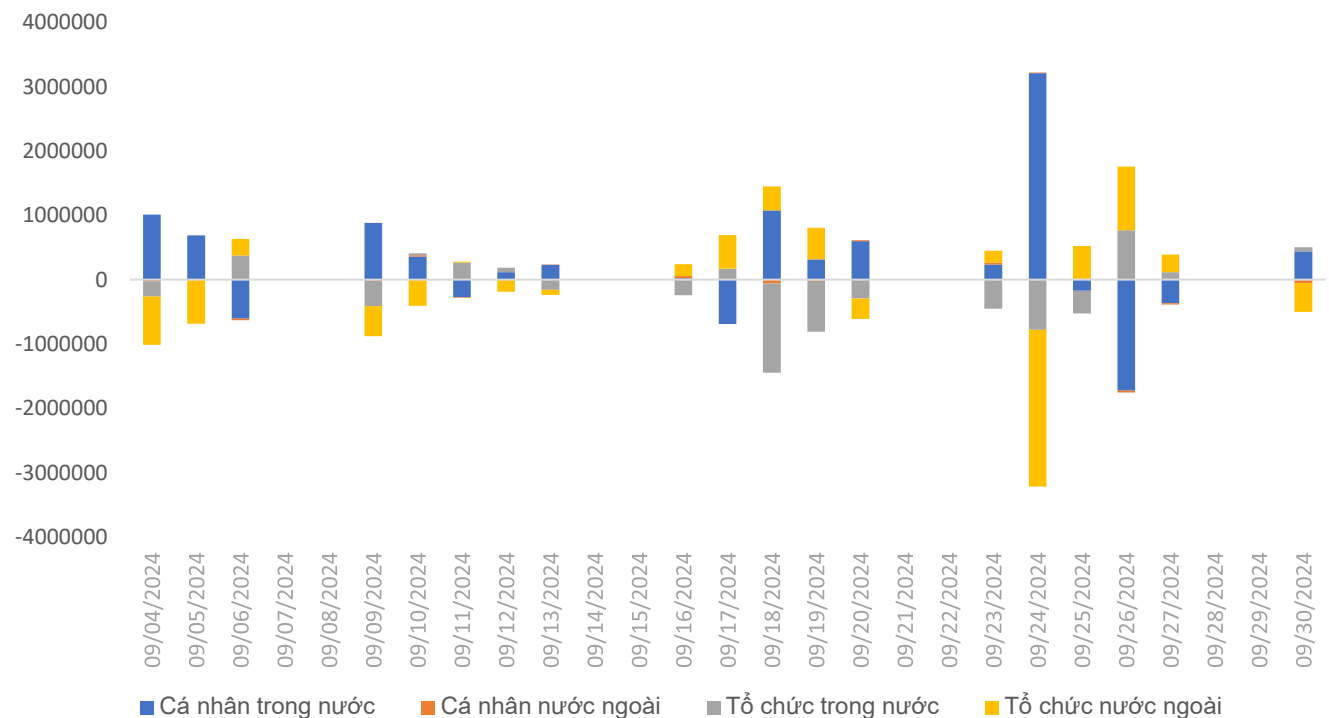
- Ngân hàng và chứng khoán là hai ngành đáng quan tâm
- Dự báo các kịch bản của VNINDEX
- Cổ phiếu có cơ hội đầu tư theo tín hiệu PTKT
- Thống kê hiệu suất của cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT

VNINDEX điều chỉnh sau đó duy trì xu thế tăng trong tháng 09

- Tháng 09.2024 đánh dấu một tháng biến động trái chiều của VNINDEX, tính từ ngày mở cửa đến ngày 16/9, chỉ số VNINDEX có mức giảm 36 điểm tương ứng -2.8%. Sau đó, thị trường bật tăng từ ngưỡng đóng cửa ngày 16/9 đến ngày 30/9 và ghi nhận mức tăng 48.68 điểm tương ứng 0.32%. Xu hướng tăng được giải thích do đà tâm lý tích cực tác động sau khi FED chính thức tuyên bố cắt giảm lãi suất trong ngày 18/9.
- Xét về biến động 3 nhóm VN30, VNMIDCAP và VNSMALLCAP, 3 nhóm chỉ số có dấu hiệu phân hoá mạnh trong tháng 09. Trong khi nhóm VN30 và VNMIDCAP ghi nhận mức tăng lần lượt là 32.68 điểm tương ứng 2.5% và 35.72 điểm tương ứng 1.9% thì nhóm VNSMALLCAP lại có một tháng giảm -7.34 điểm tương ứng -0.51%. Với xu hướng chuyển dịch đề cập phía trên, NĐT có xu hướng tìm đến những nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn, an toàn và ổn định trước thềm báo cáo kết quả kinh doanh của quý 3 của các công ty và tổ chức được công bố.
- Về cơ cấu nhà đầu tư, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước vẫn là động lực chính thúc đẩy VNINDEX tăng điểm khi là nhóm mua ròng duy nhất trong cơ cấu 4 nhóm nhà đầu tư. Xét về phe bán ròng, nhóm tổ chức bao gồm tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài là 2 nhóm rút ròng chủ yếu. Trong đó nhóm tổ chức trong nước sau khi mua ròng 7,238 tỷ đồng trong tháng 8 lại có động thái rút ròng -3,233 tỷ đồng trong tháng 09. Nhóm tổ chức nước ngoài tuy vẫn duy trì bán ròng nhưng giá trị giao dịch giảm 42.5% so với tháng trước đó.

Index	30/09 Close	%MoM	%3M	%YoY	%YTD
VN-Index	1287.94	0.3%	3.4%	11.6%	13.8%
HNX-Index	234.91	-1.0%	-1.1%	-0.6%	-21.7%
UPCOM	93.56	-0.7%	-4.1%	5.4%	6.8%
VN30	1352.56	2.5%	-5.5%	16.0%	19.5%
VNMID	1943.23	1.9%	1.1%	18.2%	12.9%
VNSML	1425.53	-0.5%	-5.0%	4.4%	4.1%

Cơ cấu Nhà đầu tư trong tháng 9/2024 theo GTGD (không tính GD thỏa thuận) ĐV: Triệu đồng

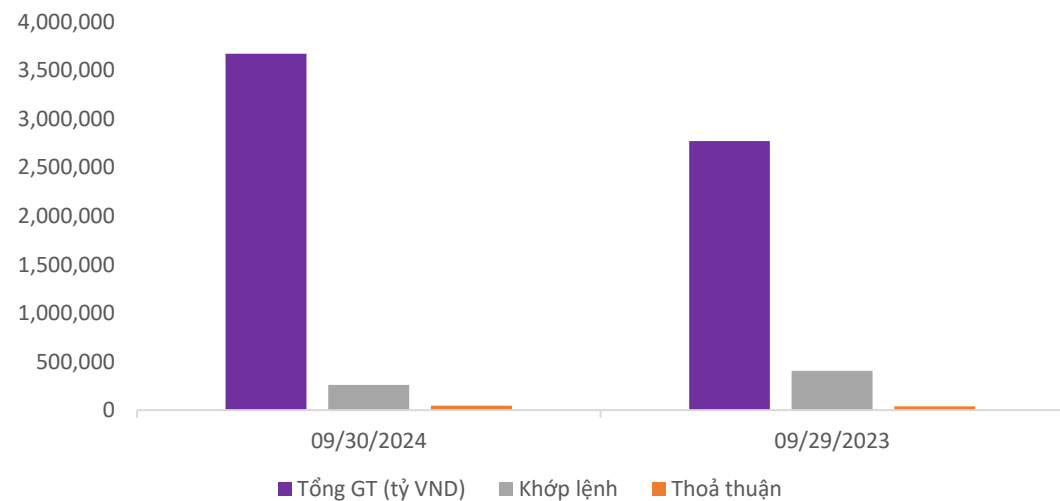


VNINDEX giằng co về mặt điểm số, thanh khoản bình quân tăng trong tháng 09

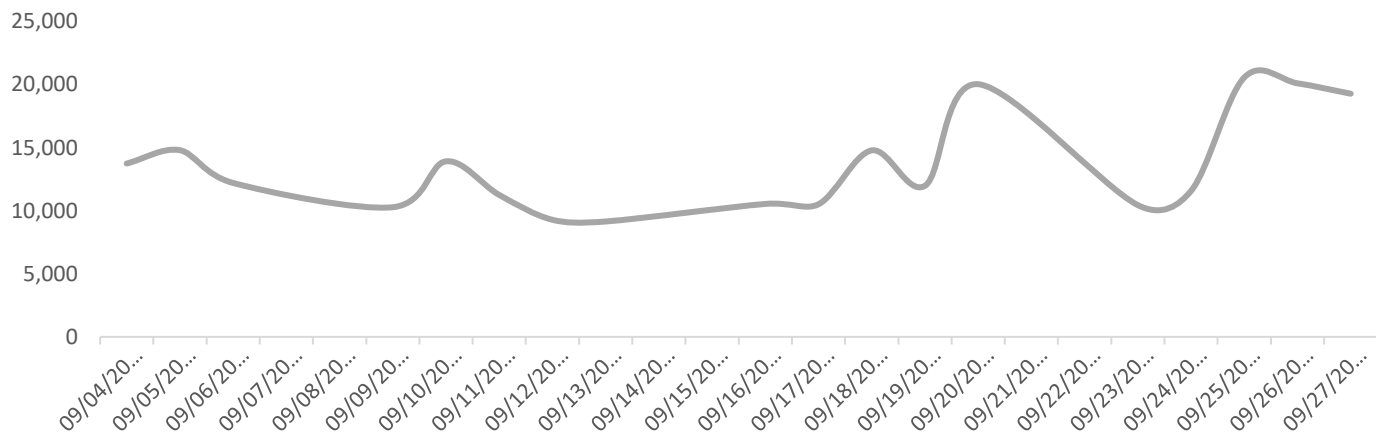
- Xét về tổng giá trị giao dịch tháng 09 có phần sụt giảm so với tháng trước đó nhưng việc này là do tháng 09 thị trường có ít ngày giao dịch hơn. Nếu so về giá trị giao dịch trung bình, VNINDEX tăng trưởng lên mức 16,001 tỷ đồng/ phiên cao hơn 8.0% so với tháng 08. Thanh khoản có xu hướng tăng mạnh vào cuối tháng giao dịch, do đây là giai đoạn thị trường kiểm nghiệm lại kháng cự 1300 điểm. Đáng chú ý, so sánh về nhóm lệnh bao gồm khớp lệnh và thoả thuận. Nhóm giá trị thoả thuận tăng ở mức 8.94% còn nhóm khớp lệnh lại có xu hướng giảm -24.89% so với tháng trước đó.
- Tính đến cuối tháng 09/2024, điểm số VNINDEX đạt mức tăng 0.32% so với tháng trước đó. GTGD trong tháng 09 lại giảm -36.11% so với thời điểm cùng kỳ. Điều này là do tháng 09/2023 là khoảng thời gian VNINDEX bán tháo sau khi tạo đỉnh vào tháng 08/2023 khiến thanh khoản tăng mạnh. Nhưng xét về GTGD từ đầu năm đến hết tháng 09, năm 2024 vẫn ghi nhận xu hướng tăng trưởng thanh khoản 32.50% so với năm trước đó. Lý giải việc thanh khoản tăng này, năm 2023 ghi nhận tháng 1, 2, 3, 4 là giai đoạn tạo nền ở đáy khiến thanh khoản sụt giảm mạnh khác với đầu năm 2024 thanh khoản luôn ổn định khi VNINDEX tăng trưởng.

Thanh khoản thị trường			
	8.2024	9.2024	%MoM
Thị trường Cơ sở			
+ KLGD Bình quân (triệu cp/phiên)	583	647	10.98%
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	14,721	16,001	8.70%
+ Vốn hoá TT (tỷ VND)	5,122,490	5,206,391	1.64%
Thị trường Phái sinh			
+ KLGD Bình quân (hợp đồng/phiên)	212,569	180,707	-14.99%
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	27,228	23,814	-12.54%
Thị trường chứng quyền			
+ KLGD Bình quân (triệu cp/phiên)	49.34	48.56	-1.58%
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	33.49	32.97	-1.55%

So sánh giá trị giao dịch của VNINDEX trong tháng 09 (tỷ đồng)



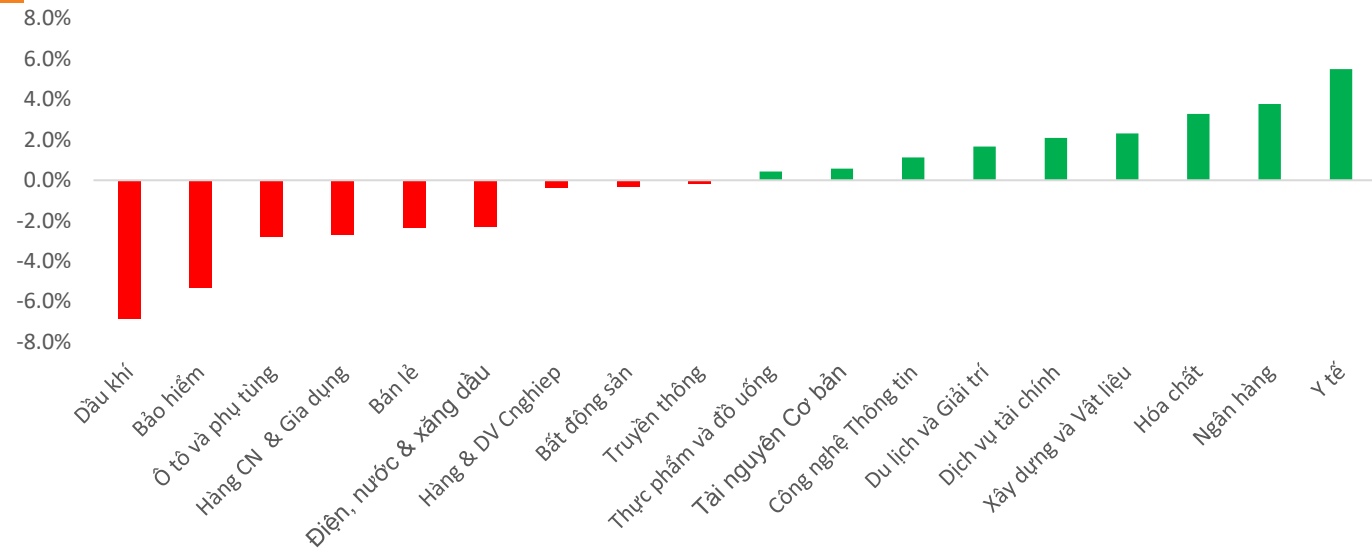
Giá trị giao dịch khớp lệnh tháng 09 (tỷ đồng)



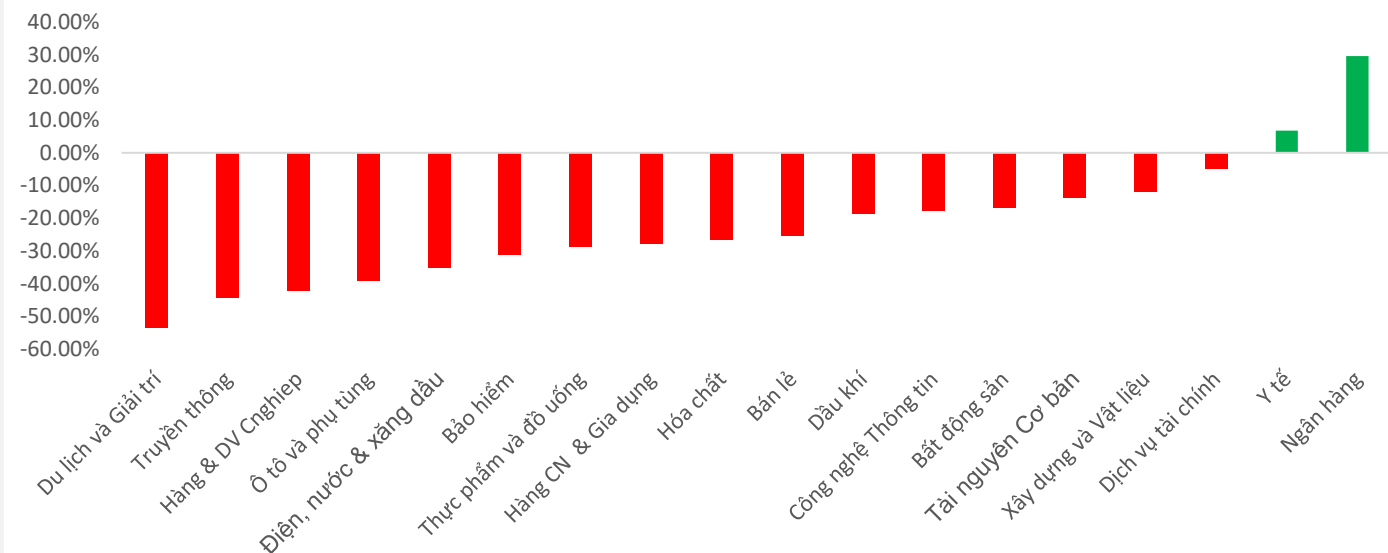
Diễn biến của các nhóm ngành trong tháng 09

- Về diễn biến nhóm ngành trong tháng 09, thị trường ghi nhận nhóm ngân hàng, dịch vụ tài chính, thực phẩm và đồ uống, hoá chất và công nghệ thông tin duy trì đà tăng. Các ngành tăng điểm phân bố đồng đều khi có 9 nhóm ngành tăng điểm và 9 nhóm ngành giảm chỉ số. Các ngành tăng điểm nhìn chung đều tập trung vào nhóm vốn hoá vừa và lớn như ngân hàng, dịch vụ tài chính, hoá chất... Nhóm bất động sản chỉ giảm điểm nhẹ khi bị bán mạnh vào cuối tháng giao dịch. Ở chiều ngược lại, nhóm dầu khí, bảo hiểm và bán lẻ gặp khó trước áp lực bán mạnh.
- Xét về diễn biến của khối lượng khớp lệnh, thị trường ghi nhận mức tăng trưởng ở nhóm ngân hàng, y tế. Đặc biệt ở nhóm ngân hàng, mức tăng trưởng về mặt KL khớp lệnh cao hơn 29.60% so với tháng trước đó. Điều này ảnh hưởng tích cực đến thị trường khi chỉ số nhóm này cũng có giai đoạn tăng trưởng tốt. Ở chiều ngược lại, nhóm dầu khí, tài nguyên cơ bản, ô tô và phụ tùng, bảo hiểm và bán lẻ, xăng dầu và điện ghi nhận sự suy giảm về mặt điểm số và khối lượng giao dịch cũng có mức giảm sâu. Điều này cho thấy ở ngành cổ phiếu giảm điểm NĐT vẫn chưa mạnh tay bán tháo mà vẫn duy trì trạng thái chờ đợi nhiều hơn. Với sự tăng trưởng về chỉ số của nhóm ngân hàng, dịch vụ tài chính, hoá chất, xây dựng và vật liệu và y tế. Đặc biệt có nhóm ngân hàng với sự đồng pha giữa tăng chỉ số và tăng khối lượng giao dịch, thị trường cho thấy dòng tiền đang có xu hướng chuyển dịch sang các ngành có vốn hoá lớn và rút khỏi các ngành mang tính đầu cơ như trong các tháng trước đó.

% Thay đổi chỉ số của từng ngành trong tháng 09/2024



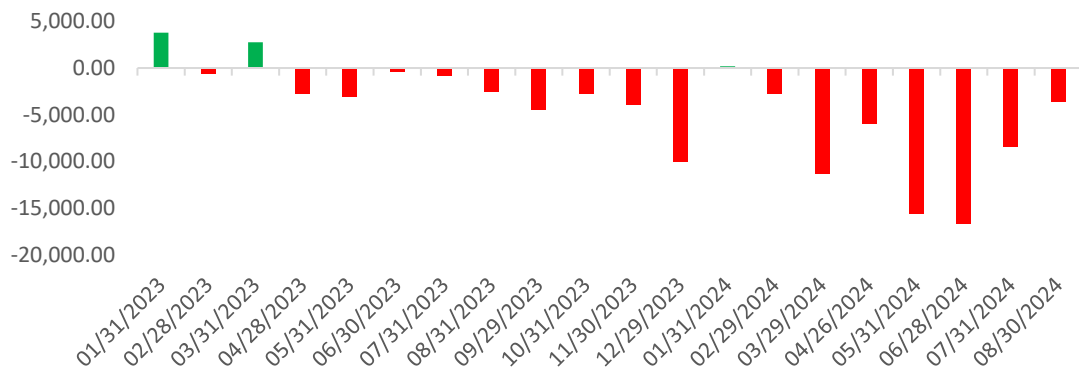
% Thay đổi KL khớp lệnh của từng ngành trong tháng 09/2024



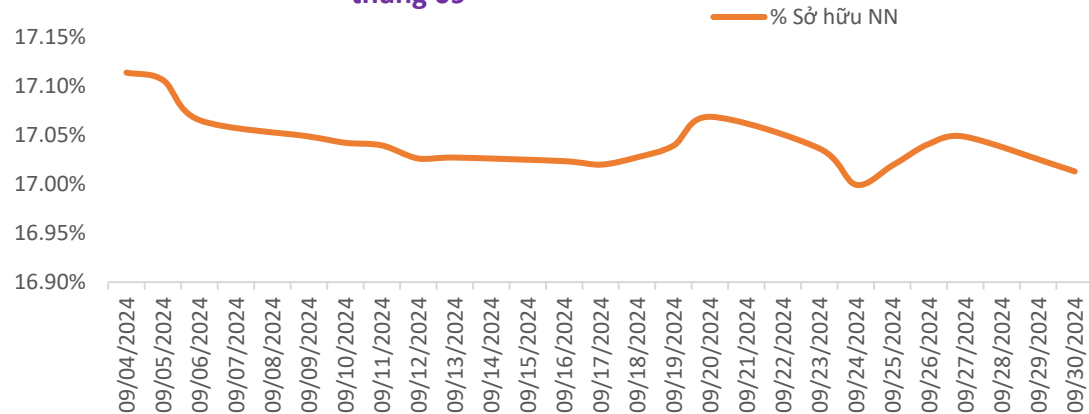
Khối ngoại duy trì trạng thái bán ròng trong tháng 09

- Khối ngoại duy trì tâm lý bán ròng khi bán GTGD ròng -2,111 tỷ đồng trên sàn HOSE, giảm 41% so với tháng trước đó. Đặc biệt, nếu xét từ đầu năm đến nay khối ngoại đã bán ròng với GTGD -66,131 nghìn tỷ trên sàn HOSE, gấp 749% so với thời điểm 9 tháng năm 2023. Điểm sáng trong tháng này đó là trong tháng thị trường ghi nhận lực mua quay trở lại nhiều hơn, có tới 10 phiên /19 phiên giao dịch ghi nhận khối ngoại mua ròng. Điều này được cho do động thái cắt giảm lãi suất của FED tạo ra tâm lý tích cực, các nỗ lực của chính phủ để theo đuổi việc nâng hạng thị trường, làm trong sạch thị trường chứng khoán cũng làm cho NĐT nước ngoài có phần ổn định tâm lý hơn so với các tháng giao dịch trước đó.
- Tỷ lệ sở hữu NN trong tháng 09 duy trì tốc độ giảm. Đáng chú ý mức 17.00% ghi nhận vào ngày 24/09 là mức tỷ lệ sở hữu NN thấp nhất trong 4 năm trở lại đây.

GTGD ròng của khối ngoại từ năm 2023 đến nay (tỷ đồng)



Biến động % tỷ lệ sở hữu NN và KL CP khối ngoại sở hữu trong tháng 09



Top Mua/Bán ròng của NĐTNN trong tháng 09 (Đơn vị: Tỷ đồng)

Mã	Mua ròng	Mã	Bán ròng
SSI	814.0	VIB	-2,677.1
FPT	662.2	HPG	-1,271.1
TCB	512.2	VPB	-957.8
TPB	463.1	HSG	-331.1
VNM	371.5	VIC	-283.1
CTG	295.2	MSN	-278.9
DXG	264.0	HDB	-247.4
FUEVFVND	223.6	VCG	-208.8
HCM	212.3	MWG	-160.5
NAB	197.9	BID	-152.3

Mã	Mua ròng	Mã	Bán ròng
VIB	814.0	MWG	-2,677.1
HPG	662.2	NLG	-1,271.1
VPB	512.2	SBT	-957.8
HSG	463.1	MSB	-331.1
VIC	371.5	HVN	-283.1
MSN	295.2	HCM	-278.9
HDB	264.0	DBC	-247.4
VCG	223.6	STB	-208.8
MWG	212.3	MBB	-160.5
BID	197.9	PLX	-152.3

Top Mua/Bán ròng của NĐTNN tính từ đầu năm (Đơn vị: Tỷ đồng)

Mã	Mua ròng	Mã	Bán ròng
VHM	1,777.8	VHM	-15,182.8
FUEVFVND	1,099.6	FUEVFVND	-7,448.2
FPT	935.3	FPT	-5,246.6
VRE	793.3	VRE	-4,763.5
HPG	739.6	HPG	-4,219.0
VPB	591.2	VPB	-4,209.1
MSN	577.6	MSN	-3,814.8
VIC	552.4	VIC	-3,428.4
VNM	521.3	VNM	-2,896.0
VIB	508.5	VIB	-2,716.1

Mã	Mua ròng	Mã	Bán ròng
VHM	1,777.8	VHM	-15,182.8
FUEVFVND	1,099.6	FUEVFVND	-7,448.2
FPT	935.3	FPT	-5,246.6
VRE	793.3	VRE	-4,763.5
HPG	739.6	HPG	-4,219.0
VPB	591.2	VPB	-4,209.1
MSN	577.6	MSN	-3,814.8
VIC	552.4	VIC	-3,428.4
VNM	521.3	VNM	-2,896.0
VIB	508.5	VIB	-2,716.1

Chiến lược đầu tư cho tháng 10/2024

Theo thống kê của TPS, trong 3 năm 2023, 2022 và 2018 đã ghi nhận mức giảm lớn trong tháng 10 lần lượt là -10.9%, -9.2% và -10.1%. Tuy nhiên, năm 2021 và 2015 cũng ghi nhận mức tăng 8.0% và 7.6%. Như vậy, tháng 10 thường thiên về giảm điểm đặc biệt trong 2 năm gần đây. Về câu chuyện đầu tư trong tháng 10/2024, nhà đầu tư có thể duy trì theo dõi các ngành như ngân hàng và chứng khoán:

- Nhóm cổ phiếu Ngành chứng khoán:** Các sản phẩm tài chính như trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận tổng giá trị phát hành mới đạt 257.9 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, giá trị giao dịch cổ phiếu bình quân đạt 24,641 tỷ đồng/phiên, tương đương mức tăng +39.8% YoY. Margin của toàn ngành chứng khoán tăng mạnh, đạt mức kỷ lục 225.000 tỷ đồng vào cuối quý 2, cho thấy sự gia tăng trong việc sử dụng đòn bẩy tài chính. Chính sách thúc tiền tệ như Chỉ thị số 14/CT-TTg nhằm tháo gỡ khó khăn sản xuất sẽ giúp thúc đẩy kinh tế vĩ mô và tăng khả năng tiếp cận dòng vốn từ cả trong nước lẫn nước ngoài. Nhờ đó, thanh khoản của toàn ngành chứng khoán đã được cải thiện và duy trì rõ từ đầu năm. Trong các tháng cuối năm, việc FED giảm lãi suất đến 0.5% sẽ là tiền đề tạo điều kiện thuận lợi cho dòng vốn quốc tế chảy vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngoài ra, điều này còn giúp cho chính sách tiền tệ bớt áp lực để giúp dòng tiền nền kinh tế tiếp tục dồi dào và thúc đẩy thanh khoản cho thị trường chứng khoán.
- Nhóm ngành ngân hàng:** Tăng trưởng tín dụng vẫn duy trì ở mức ổn định, tăng khoảng 5.9% vào cuối tháng 7 năm 2024 nhờ vào nền kinh tế đã có nhiều sự phục hồi từ mức nền thấp vào đầu năm. Tính đến cuối tháng 7, tiền gửi dân cư đã tăng lên 6,838 triệu tỉ đồng, tăng 4,68% so với đầu năm và lập ra kỷ lục mới. Riêng trong tháng 7, tiền gửi dân cư đã tăng khoảng 21.000 tỷ đồng. Tiền gửi của tổ chức kinh tế đạt 6,77 triệu tỷ đồng, giảm 1,07% so với đầu năm. Trước đó vào cuối tháng 6, tiền gửi của nhóm này đã lên kỷ lục 6,91 triệu tỷ đồng. Với mức vay thấp, tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng có thể có thêm dư địa để tiếp tục phát triển nhằm đảm bảo nhu cầu về vốn của các doanh nghiệp trong giai đoạn kinh tế sắp tới.

Tỷ suất sinh lời hàng tháng của VN-Index

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
2011	5.3%	-9.6%	-0.1%	4.1%	-12.2%	2.6%	-6.2%	4.9%	0.5%	-1.6%	-9.5%	-7.7%
2012	10.4%	9.2%	4.1%	7.4%	-9.4%	-1.6%	-1.9%	-4.5%	-0.9%	-1.1%	-2.7%	9.5%
2013	16.0%	-1.1%	3.5%	-3.4%	9.2%	-7.2%	2.2%	-3.9%	4.2%	1.0%	2.1%	-0.6%
2014	10.3%	5.4%	0.9%	-2.3%	-2.8%	2.9%	3.1%	6.8%	-5.9%	0.3%	-5.7%	-3.7%
2015	5.6%	2.9%	-7.0%	2.0%	1.3%	4.1%	4.7%	-9.1%	-0.4%	8.0%	-5.6%	1.0%
2016	-5.8%	2.6%	0.3%	6.6%	3.4%	2.2%	3.2%	3.4%	1.6%	-1.4%	-1.6%	0.0%
2017	4.9%	1.9%	1.6%	-0.6%	2.8%	5.2%	0.9%	-0.1%	2.8%	4.1%	13.5%	3.6%
2018	12.8%	1.3%	4.4%	-10.6%	-7.5%	-1.1%	-0.5%	3.5%	2.8%	-10.1%	1.3%	-3.7%
2019	2.0%	6.0%	1.6%	-0.1%	-2.0%	-1.0%	4.4%	-0.8%	1.3%	0.2%	-2.8%	-1.0%
2020	-2.5%	-5.8%	-24.9%	16.1%	12.4%	-4.6%	-3.2%	10.4%	2.7%	2.2%	8.4%	10.0%
2021	-4.3%	10.6%	2.0%	4.0%	7.2%	6.1%	-7.0%	1.6%	0.8%	7.6%	2.4%	1.3%
2022	-1.3%	0.8%	0.1%	-8.4%	-5.4%	-7.4%	0.7%	6.1%	-11.6%	-9.2%	2.0%	-3.9%
2023	10.3%	-7.8%	3.9%	-1.5%	2.5%	4.2%	9.2%	0.1%	-5.7%	-10.9%	6.4%	3.3%
2024	3.0%	7.6%	2.5%	-5.8%	4.3%	-1.3%	0.5%	2.6%	0.3%			

Nguồn: FiinPro, TPS Research

Liệu thị trường có phá vỡ kháng cự 1300 điểm trong tháng 10?

- **Tháng 09/2024** tiếp tục cho thấy vùng kháng cự 1300 điểm đang là vùng kháng cự cứng của thị trường mà VNINDEX liên tục gặp khó trong việc vượt qua. Tính trên đồ thị tháng, VNINDEX đã có tổng cộng 7 tháng gần nhất duy trì trạng thái có điểm số cao nhất nằm trong vùng kháng cự 1280 – 1300 điểm. Thêm vào đó, thanh khoản có xu hướng giảm dần sau từng tháng tính từ tháng 06 đang đặt ra câu hỏi lớn: Liệu thị trường có phá vỡ kháng cự 1300 điểm trong tháng 10 hay không? Để có câu trả lời, chúng tôi xem xét dựa trên các chỉ số sau:
 - **EMA:** Cả 3 đường EMA 10,20 và 50 hiện đều đã nằm phía dưới chỉ số VNINDEX sau khi thị trường có nhiều phiên tăng điểm từ vùng đáy 1240 điểm được tạo lập vào ngày 16 và 17 tháng 09. Nhìn chung, xu hướng đường EMA đang có dấu hiệu hướng lên trên nhưng độ dốc không còn lớn mà có phần thoải hơn so với giai đoạn tháng 08 trước đó. Điều này dự báo xu thế trong giai đoạn tháng 10 tới đây sẽ có sự hỗ trợ đến từ những đường hỗ trợ động này ở các vùng giá như 1270 và 1280 điểm.
 - **MACD:** Chỉ báo MACD đang ở trong giai đoạn tăng trưởng khi cả 2 đường MACD và histogram đều nằm trên ngưỡng 0. Tuy nhiên, thị trường có thể sắp gặp tình trạng phân kỳ với chỉ báo MACD. Điều này xảy ra khi đường MACD và histogram ở giai đoạn hiện tại (ngày 01/10) đang thấp hơn vùng MACD và histogram của xu thế tăng trước đó (giá trị MACD này được lấy ở vùng đỉnh ngày 23/08) trong khi điểm số của VNINDEX đã tạo lập vùng cao hơn vùng đỉnh cũ. Điều này có thể mang đến một xu thế điều chỉnh trong ngắn hạn cho thị trường trong thời gian tới.
 - **RSI:** Chỉ báo RSI hiện đang ở ngưỡng 63 (ngày 01/10) và cũng đang có dấu hiệu tương tự như chỉ báo MACD khi chỉ báo này cũng có thể rơi vào tình trạng phân kỳ. Điểm tích cực của chỉ báo RSI đó là việc vùng đỉnh của RSI hiện tại đã ngang bằng vùng đỉnh cũ và vẫn duy trì tiếp tục xu thế tăng trưởng. Như vậy, chỉ khi vùng 1300 không thể vượt được trong tuần đầu tiên của tháng 10 thì rủi ro đến từ phân kỳ mới xuất hiện. Ngược lại, nếu thị trường vẫn duy trì xu thế tăng thì chỉ số RSI sẽ vượt qua vùng đỉnh cũ và xóa bỏ nghi ngại về phân kỳ. Sau khi quan sát các chỉ báo, chúng tôi đưa 2 kịch bản cho thị trường trong tháng 10/2024 tới đây:
- **Kịch bản tích cực: VNINDEX vượt lên 1,300 điểm, bắt đầu xu thế tăng mới (khả năng xảy ra: 70%)** Kịch bản này xảy ra khi lực mua tham gia tích cực, kéo thanh khoản lên cao và khiến các chỉ báo như MACD và RSI vượt lên điểm số vùng đỉnh cũ, xác nhận một xu thế tăng mới. Kịch bản này VNINDEX rất cần thanh khoản bùng nổ cao hơn ngưỡng 25 nghìn tỷ trong phiên cùng điểm số vượt qua mốc kháng cự. Vùng giá mà VNINDEX có thể tìm đến là ngưỡng 1340 điểm (tương ứng với mức 1 của Fibonacci mở rộng)
- **Kịch bản trung tính: VNINDEX điều chỉnh ở vùng 1,220 điểm và tìm kiếm lực tăng (khả năng xảy ra: 30%)** Ở kịch bản này, thị trường sẽ gặp khó khăn trước ngưỡng kháng cự 1300 điểm khiến các chỉ báo như MACD và RSI rơi vào tình trạng phân kỳ. Khả năng cao việc điều chỉnh sẽ xảy ra ngay sau đó, nhưng xét về xu hướng trung và dài hạn, VNINDEX sẽ tiếp tục tăng trưởng. Vùng giá VNINDEX có thể điều chỉnh về ở 2 vùng là 1260 và 1280 điểm (tương ứng mức Fibonacci thoái lui ngưỡng 0.618 và 0.382).

Dự báo các kịch bản của Vnindex tháng 10/2024

Kịch bản tích cực

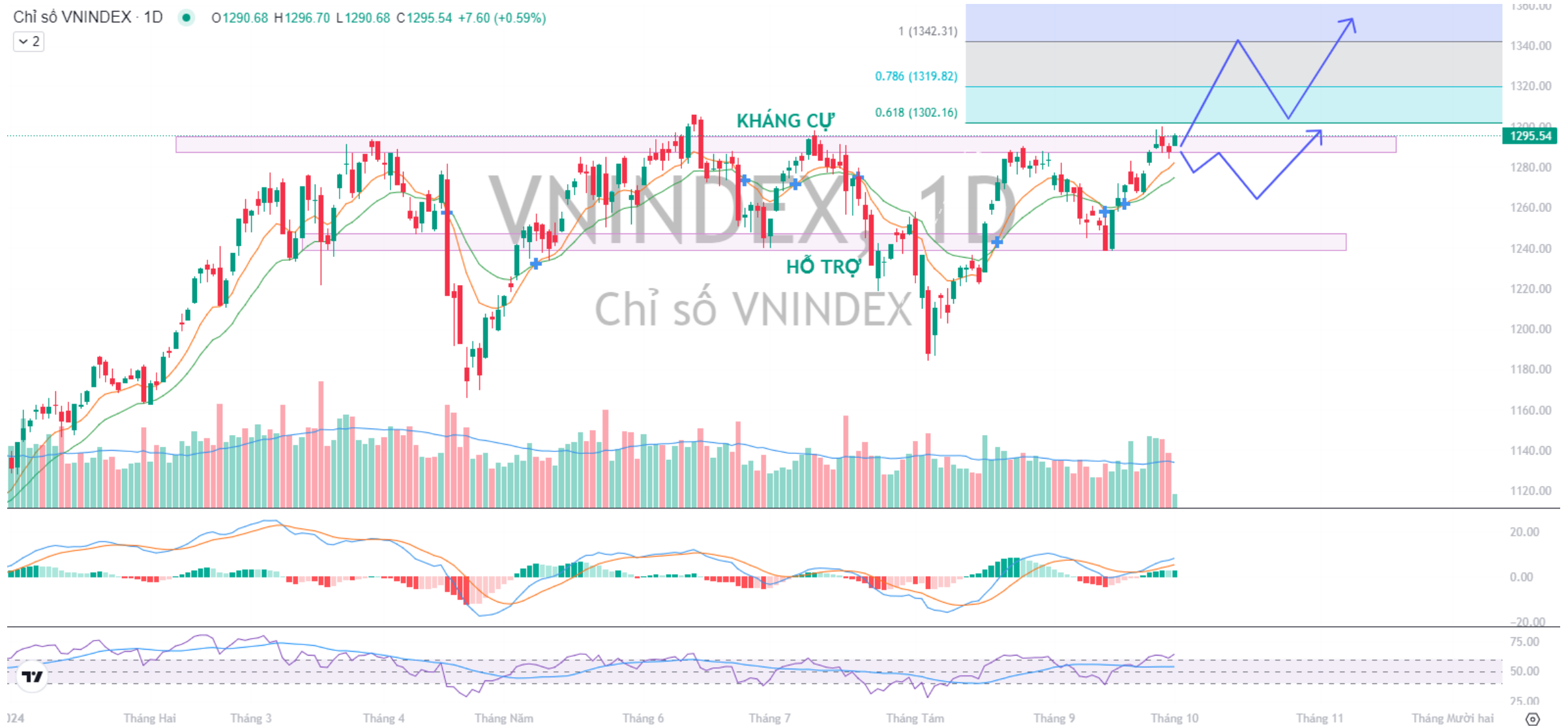
Kịch bản trung tính

1320 - 1340

1260 - 1320

Chỉ số VNINDEX - 1D ● O1290.68 H1296.70 L1290.68 C1295.54 +7.60 (+0.59%)

▼ 2



Luận điểm đầu tư:

Xu thế: Cổ phiếu VPB đang nằm trong vùng giao động khung từ tháng 04/2023 cho đến nay. Thanh khoản có sự cải thiện rõ rệt, tăng mạnh trong giai đoạn từ tháng 08 cho đến nay là những điểm nhấn cho cổ phiếu VPB.

Phân tích kỹ thuật:

Chỉ báo RSI đang trong xu thế tăng mạnh do giá VPB liên tục tăng trong thời gian vừa qua. Tương tự với chỉ báo MACD khi 2 đường MACD đang ở ngưỡng khá cao. Chỉ báo nhanh như histogram của MACD đã cho thấy cổ phiếu VPB đang suy yếu trong ngắn hạn. Như vậy, chúng tôi sẽ đưa ra 2 kịch bản: (1) mua khi vượt vùng giao động khung và (2) mua khi cổ phiếu có điều chỉnh khi các chỉ báo đang ở vùng cao và có dấu hiệu suy yếu:



Giá mua	Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Kháng cự 1	Kháng cự 2	Cắt lỗ	Chốt lời
(1) 19,100	18,000	20,500	22,000	23,000	17,000	24,000
(2) 21,000						

Cổ phiếu có cơ hội đầu tư theo tín hiệu PTKT – VCI (HSX)

Luận điểm đầu tư:

Xu thế: Cổ phiếu VCI đang trong giai đoạn vượt cản trendline được kẻ từ các đỉnh cũ trong năm 2024. Hiện tại đã có 2 lần VCI không thể vượt qua vùng cản này. Hiện tại, thanh khoản đang có dấu hiệu tăng lên trong thời gian gần đây kèm theo đó là việc cổ phiếu có phản ứng tích cực với đường trendline.

Phân tích kỹ thuật:

Các chỉ báo của cổ phiếu VCI hiện vẫn duy trì trạng thái tích cực khi đều đang nằm ở ngưỡng tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, sau khi vượt trendline, các cây nến trong vài phiên gần đây đang có dấu hiệu bị đè bán, điều này thể hiện ở việc hình thái nến inverted hammer (búa ngược) xuất hiện – báo hiệu một nhịp đảo chiều có thể xảy ra.

Chúng tôi kỳ vọng cổ phiếu VCI có thể kiểm nghiệm thành công ngưỡng trendline hiện tại và bắt đầu một xu thế tăng mới.



Giá mua	Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Kháng cự 1	Kháng cự 2	Cắt lỗ	Chốt lời
(1) 35,000						
(2) 36,000	34,000	33,000	38,000	39,000	32,500	40,000

Thống kê hiệu suất của cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



TIEN PHONG SECURITIES

STT	Mã CP	Giá đóng cửa 01/10	Vùng mua 1	Vùng mua 2	Giá mục tiêu	% Lợi nhuận thực tế	% Lợi nhuận kỳ vọng	Hỗ trợ	Kháng cự	Cutloss	Ngày khuyến nghị
1	QNS	48,227	45,050	50,000	54,000	7.1%	8.0%	42,211	48,927	41,252	22/3/2024
2	DCM	38,250	29,500	31,000	38,000	29.7%	22.6%	27,021	32,425	26,120	22/3/2024
3	HCM	31,000	27,000	28,000	33,000	12.7%	22.2%	26,000	29,000	24,000	28/3/2024
4	MWG	67,800	49,000	50,000	62,000	38.4%	24.0%	47,000	58,000	45,000	22/3/2024
5	PVB	29,800	22,000	24,000	28,000	24.2%	16.7%	23,000	27,000	22,000	1/4/2024
6	DGC	116,000	109,000	131,000	150,000	6.4%	14.5%	98,000	131,000	96,000	6/4/2024
7	VCI	36,500	36,000	39,000	44,200	1.4%	13.3%	44,000	54,000	43,000	6/4/2024
8	HSG	21,300	22,000	23,000	25,300	-3.2%	10.0%	19,000	23,500	18,500	11/4/2024
9	GEX	21,750	19,500	21,000	25,300	11.5%	20.5%	16,564	21,631	16,077	3/5/2024
10	HDG	28,200	22,000	25,000	28,600	28.2%	14.4%	20,588	24,168	19,693	4/5/2024
11	PVS	40,400	42,000	44,500	52,000	-3.8%	19.5%	41,000	48,000	37,000	14/5/2024
12	TCH	18,200	17,500	18,500	23,500	4.0%	27.0%	16,500	20,500	16,000	20/5/2024
13	ACB	25,750	23,000	24,500	28,600	12.0%	16.7%	22,000	28,500	22,000	10/6/2024
14	ACV	103,800	111,000	124,000	150,000	-6.5%	21.0%	109,000	125,000	97,000	13/6/2024
15	ACG	41,950	45,500	48,000	59,000	-7.8%	22.9%	42,796	47,026	40,828	13/6/2024
16	DRC	31,550	34,000	35,500	40,000	-7.2%	12.7%	33,000	37,800	31,000	21/6/2024
17	PAN	23,650	23,000	24,500	27,000	2.8%	10.2%	22,000	28,000	21,000	4/7/2024
18	CNG	35,200	33,000	33,000	39,000	6.7%	18.2%	31,500	36,500	31,000	8/7/2024
19	MBB	25,650	22,000	24,000	26,500	16.6%	10.4%	21,500	24,000	20,000	7/11/2024
20	PHR	60,000	60,500	64,500	72,500	-0.8%	12.4%	59,500	70,000	56,000	7/18/2024
21	ANV	33,450	34,500	36,000	39,500	-3.0%	9.7%	33,000	38,000	31,500	7/18/2024
22	OIL	12,800	14,100	14,500	18,500	-9.2%	27.6%	13,200	17,000	12,000	7/31/2024
23	MSN	76,600	71,500	77,000	89,000	7.1%	15.6%	70,000	81,000	64,000	7/31/2024
24	TNG	26,200	23,500	26,000	30,000	11.5%	15.4%	21,000	28,500	20,000	8/15/2024
25	VCB	92,000	85,000	90,500	100,000	8.2%	10.5%	83,000	99,000	80,000	8/15/2024
26	SSI	27,800	25,000	33,000	37,000	11.2%	33.1%	31,000	35,000	29,000	9/4/2024
27	TCB	24,650	21,500	22,500	25,000	14.7%	11.1%	21,000	24,000	20,000	9/4/2024
28	HPG	26,750	25,000	25,000	30,000	7.0%	20.0%	22,500	26,500	20,000	8/26/2024
29	PLX	44,500	45,000	48,000	55,000	-1.1%	14.6%	43,000	50,500	41,000	8/26/2024
30	MWG	67,800	65,500	67,000	74,000	3.5%	10.4%	63,000	70,000	62,000	9/11/2024
31	VHC	71,000	68,000	72,000	79,500	4.4%	10.4%	67,000	71,000	65,500	9/18/2024
32	BVS	43,400	38,000	42,000	49,000	14.2%	16.7%	36,000	39,000	35,000	9/24/2024

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. Báo cáo này không phải là báo cáo phục vụ cho nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS

Analyst

Lê Hồng Hải

028 7301 3839 (Ext 862)

hailh@tpbs.com.vn

Head of Research


Ngô Thị Lệ Thanh

028 7301 3839 (Ext 121)

thanhnt@tpbs.com.vn

LIÊN HỆ

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG (TPS)

 028 7301 3839

 tt.pt@tpbs.com.vn

 <https://www.tpbs.com.vn/>